

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HS-ST
Ngày 14-02-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông.
2. Ông Hồ Đắc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nhất – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn Minh T; sinh ngày X tại thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi ĐKTT: Tổ M, khu phố N, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ G, khu phố H, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Thanh N (chết) và bà Văn Thị L; có vợ (đã ly hôn) và 01 con (sinh năm 2017); tiền án: Không; tiền sự: 01 – Ngày 27-4-2021 bị Công an phường N, thành phố Q xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, nộp phạt ngày 03-6-2021; nhân thân:

- Ngày 14-4-2017 bị Công an phường Đ, thành phố Q xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 26-7-2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh B xử phạt 03 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 11-12-2018.

Án tích đã được xóa; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Huỳnh Văn Y; sinh ngày Y tại thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ B, khu phố C, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh B (chết) và bà Hồ Thị Ngọc L; có vợ (đã ly hôn) và 03 con (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

- Năm 1989 bị cưỡng bức lao động 02 năm do uống rượu gây rối trật tự công cộng;

- Ngày 22-9-1994 bị Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đ xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt ngày 27-5-1997.

Án tích đã được xóa; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Chị Lê Thị Thu T; sinh năm K; nơi cư trú: Số nhà V, đường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Trần Hùng L; sinh năm D; nơi cư trú: Tổ L, khu phố L, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Duy T; sinh năm S; nơi cư trú: Tổ L, khu phố A, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 25-9-2021, Hoàng Văn Minh T rủ Huỳnh Văn Y đi tìm người quen xin tiền để mua “cỏ Mỹ” hút. Khi đi ngang qua xe ô-tô tải biển số 77C-20352 của vợ chồng chị Lê Thị Thu T đỗ trước Cửa hàng Vật liệu xây dựng C (số nhà I, đường T, thành phố Q), T quan sát thấy trên ca-bin xe tải có 01 điện thoại di động Iphone 11 màu xanh và vợ chồng chị T đang bốc dỡ hàng ở phía sau thùng xe thì nảy sinh ý định trộm cắp. T gọi Y và đánh mặt về phía ca-bin xe bên cửa tài, ý muốn rủ Y cùng trộm điện thoại. Y nhìn vào thấy điện thoại di động nên hiểu ý T; Y chủ động đi vòng qua trước đầu xe đến phía sau bên phụ để quan sát và cảnh giới cho T. Tiếp đó, T đưa tay vào ca-bin lấy được điện thoại bỏ vào túi quần và chạy vào đường Tháp Đôi; thấy T lấy được điện thoại thì Y cũng bỏ đi. Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, T mang điện thoại di động trộm được đến Cửa hàng điện thoại Lộc Mobile, gặp chủ tiệm là Trần Hùng L nói dối là bán giùm điện thoại cho chị và Lộc đồng ý mua với giá 7.000.000 đồng. Số tiền có được T tiêu xài hết 4.100.000 đồng còn lại 2.900.000 đồng. Sau khi phát hiện bị mất điện thoại, chị T trình báo sự việc tại Công an phường Đ. Tại Kết luận định giá tài sản số 252/KL-HĐĐGTS ngày 08-11-2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Quy Nhơn kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh dương, dung lượng 128GB, số IMEI1: 352509589474934, số IMEI2: 352509589688385, đã qua sử dụng, trị giá 14.200.000 đồng.

Về vật chứng: 01 điện thoại di động Iphone 11 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quy Nhơn trả lại cho chủ sở hữu là chị Lê Thị Thu T; số tiền còn lại 2.900.000 đồng đã được Cơ quan điều tra chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Định theo Ủy nhiệm chi ngày 20-01-2022.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị Thu T không yêu cầu bồi thường; anh Trần Hùng L yêu cầu Hoàng Văn Minh T hoàn trả lại số tiền 7.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 18/CT-VKSQN ngày 18-01-2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn truy tố các bị cáo Hoàng Văn Minh T, Huỳnh Văn Y về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

Các bị cáo Hoàng Văn Minh T, Huỳnh Văn Y thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như bản cáo trạng đã nêu và các chứng cứ mà cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập. Các bị cáo xin Tòa xử phạt nhẹ.

Trong phần luận tội, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn Minh T, Huỳnh Văn Y phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Hoàng Văn Minh T từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Huỳnh Văn Y từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; trả lại cho bị cáo Hoàng Văn Minh T số tiền 2.900.000 đồng nhưng kê biên, tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 của Bộ luật Dân sự; buộc Hoàng Văn Minh T bồi thường cho anh Trần Hùng L số tiền 7.000.000 đồng.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo T, Y nhận thức được hành vi sai trái của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội làm lại từ đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố bảo đảm tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại.

[2] Các bị cáo Hoàng Văn Minh T, Huỳnh Văn Y có trình độ học vấn, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thừa nhận toàn bộ sự việc phạm tội giống như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 25-9-2021, các bị cáo T, Y đã có hành vi lén lút lấy trộm trên xe ô-tô tải biển số 77C-20352 của vợ chồng chị Lê Thị Thu T đỗ trước Cửa hàng Vật liệu xây dựng C (số nhà I, đường T, thành phố Q) 01 điện thoại di động của chị T hiệu Iphone 11, màu xanh dương, dung lượng 128GB, số IMEI1: 352509589474934, số IMEI2: 352509589688385, đã qua sử dụng, trị giá 14.200.000 đồng. Hành vi đó của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên.

[3] Các bị cáo T, Y đã từng bị xử lý hành chính, bị kết án phạt tù, mặc dù đã được xóa án tích nhưng không ăn năn hối cải, không chịu tu dưỡng bản thân để làm công dân tốt. Các bị cáo tuy có đủ sức khỏe nhưng lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bất chấp pháp luật chiếm đoạt tài sản của người khác, cần phải xử phạt nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung. Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt; bị cáo Y tham gia cảnh giới, giúp sức cho bị cáo T chiếm đoạt được tài sản; thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Cho nên, bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn bị cáo Y theo Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai báo thành khẩn nên cần được xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Do các bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đối với Trần Hùng L nhận mua điện thoại từ bị cáo T nhưng không biết điện thoại này là tài sản trộm cắp nên không có đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Số tiền mua bán điện thoại 7.000.000 đồng, xét đây là tiền do phạm tội mà có nhưng vì anh L không biết, không có lỗi nên bị cáo T phải hoàn trả lại cho anh L số tiền này theo yêu cầu của anh L là phù hợp với Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã quyết định trả lại 01 điện thoại di động Iphone 11 cho chị Lê Thị Thu T và chị T không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Số tiền 2.900.000 đồng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ và chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Định theo Ủy nhiệm chi ngày 20-01-2022 được xử lý trả lại cho bị cáo T theo Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[6] Lời luận tội của Kiểm sát viên đánh giá các tình tiết về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như đề nghị về mức án đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[7] Các bị cáo T, Y phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn Minh T, Huỳnh Văn Y phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Hoàng Văn Minh T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Huỳnh Văn Y 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự; buộc Hoàng Văn Minh T có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Trần Hùng L số tiền 7.000.000 đồng.

3. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; trả lại cho Hoàng Văn Minh T số tiền 2.900.000 đồng trong tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Định, nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

4.1. Buộc Hoàng Văn Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 350.000 đồng.

4.2. Buộc Huỳnh Văn Y phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Các bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Quy Nhơn;
- Cơ quan THAHS Công an Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- Bị cáo, bị hại, đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Trần Duyên Anh